

Số: 2033 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 10 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học chính quy tiếp cận CDIO
theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo các ngành về việc xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình giáo dục đại học chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ cho các ngành đào tạo (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2021 - 2022 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp;
Trưởng các trường, khoa, viện và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐT.



GS.TS. Nguyễn Huy Bàng

MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CTĐT NGÀNH CHĂN NUÔI

1. MỤC TIÊU CTĐT NGÀNH CHĂN NUÔI

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo kỹ sư Chăn nuôi có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội; kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết chuyên sâu về chăn nuôi; có phẩm chất cá nhân, đạo đức; có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ kỹ thuật sản xuất mới, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thiết kế, triển khai, vận hành, quản lý các quy trình và hệ thống chăn nuôi.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Pos):

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội; kiến thức lý thuyết chuyên sâu về nuôi trồng thủy sản; kiến thức thực tế vững chắc.

PO2: Có phẩm chất cá nhân, sức khỏe, đạo đức; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thích ứng công việc đa dạng; điều kiện làm việc thay đổi.

PO3: Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc độc lập hoặc nhóm để tiếp cận nhanh với công nghệ kỹ thuật sản xuất mới, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong sản xuất, kinh doanh lĩnh vực Chăn nuôi

PO4: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành và quản lý các quy trình, hệ thống chăn nuôi.

2. CHUẨN ĐẦU RA CTĐT NGÀNH CHĂN NUÔI

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
PLO1.1.	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để hỗ trợ giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Chăn nuôi	K4
1.1.1.	<i>Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật</i>	K3
1.1.2.	<i>Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên</i>	K3
1.1.3.	<i>Áp dụng kiến thức về ngoại ngữ và công nghệ thông tin</i>	K4
PLO1.2.	Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành để hỗ trợ giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Chăn nuôi	K4
1.2.1.	<i>Vận dụng được các kiến thức cơ sở vững chắc về biến đổi khí hậu, môi trường, tài nguyên, quy hoạch tổng PTKTXH</i>	K4
1.2.2.	<i>Vận dụng được các kiến thức về hình thái, giải phẫu, phân loại, đặc điểm sinh lý, sinh thái và sinh học; dinh dưỡng; thú y; di truyền vật nuôi; vi sinh vật trong chăn nuôi</i>	K4
1.2.3	<i>Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học; thiết kế và triển khai dự án chăn nuôi</i>	K4
PLO1.3.	Vận dụng các kiến thức lý thuyết chuyên ngành và kiến thức thực tế vững chắc về: kỹ thuật chọn và nhân giống, sinh sản và chăn nuôi các loài động vật; sử dụng các trang thiết bị, quản lý và vận hành cơ sở sản xuất, dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi;	K4
1.3.1.	<i>Vận dụng được kiến thức về thức ăn, chuồng trại, thiết bị và quản lý môi trường trong chăn nuôi; chọn và nhân giống vật nuôi; công nghệ sinh sản và kỹ thuật chăn nuôi các loài vật nuôi.</i>	K4
1.3.2.	<i>Vận dụng được kiến thức về bảo quản và chế biến sản phẩm; kiểm nghiệm sản phẩm động vật; an toàn thực phẩm trong chăn nuôi, dịch tễ học thú y; bệnh; thuốc và vacxin dùng trong chăn nuôi, thú y</i>	K4
1.3.3	<i>Vận dụng được kiến thức về chính sách và marketting nông nghiệp</i>	K4
PLO2.1.	Vận dụng kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi	S4
2.1.1.	<i>Giải thích được mục đích, nguyên lý, phương pháp của kỹ năng giải quyết vấn đề và các quá trình tư duy.</i>	S3
2.1.2.	<i>Vận dụng kỹ năng tư duy hệ thống, phản biện và sáng tạo đưa ra hướng giải quyết để triển khai nghiên cứu, thực nghiệm.</i>	S4
PLO2.2.	Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ hành xử chuyên nghiệp trong các nhiệm vụ chuyên môn.	A4
2.2.1.	<i>Đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong sản xuất, kinh doanh.</i>	A4
2.2.2.	<i>Quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ</i>	A4
2.2.3.	<i>Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp</i>	A4

PLO2.3.	Thể hiện được kỹ năng nghề nghiệp về thực hành phòng thí nghiệm, kỹ thuật sinh sản và chăn nuôi các loài động vật	S4
2.3.1.	<i>Thể hiện thành thạo kỹ thuật phòng thí nghiệm</i>	S4
2.3.2.	<i>Thể hiện thành thạo kỹ thuật sinh sản và chăn nuôi các loài động vật</i>	S4
PLO3.1	Làm việc theo nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề, công việc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.	S4
3.1.1.	<i>Diễn giải được tầm quan trọng, các mô hình và kỹ năng cần thiết để làm việc theo nhóm có hiệu quả.</i>	K3
3.1.2.	<i>Tổ chức, hoạt động, phát triển và lãnh đạo nhóm hiệu quả.</i>	S4
PLO3.2.	Giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, quản lý, dịch vụ liên quan đến chăn nuôi.	S4
3.2.1.	<i>Diễn giải được tầm quan trọng, chiến lược và kỹ thuật giao tiếp.</i>	K3
3.2.2.	<i>Vận dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (thuyết trình, văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa).</i>	S4
PLO3.3.	Sử dụng được tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong giao tiếp và trong lĩnh vực chăn nuôi.	S4
3.3.1.	<i>Năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 (TT 01/2014/TT-BGDĐT)</i>	S4
3.3.2.	<i>Sử dụng được tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong lĩnh vực chăn nuôi.</i>	S4
PLO4.1.	Phân tích được bối cảnh, chiến lược và mục tiêu phát triển của ngành, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp	C4
4.1.1	<i>Chăn nuôi trong bối cảnh của xã hội</i>	C4
4.1.2.	<i>Chăn nuôi trong bối cảnh của doanh nghiệp</i>	C4
PLO4.2.	Hình thành ý tưởng, thiết kế triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y	C4
4.1.1.	<i>Hình thành ý tưởng, lập kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ chăn nuôi, thú y</i>	C4
4.1.2.	<i>Thiết kế, triển khai quy trình, hệ thống, hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ chăn nuôi, thú y</i>	C4
PLO4.3.	Vận hành quy trình, hệ thống, hoạt động sản xuất, dịch vụ chăn nuôi, thú y	C4
4.3.1.	<i>Vận hành quy trình, hệ thống, hoạt động sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y</i>	C4
4.3.2.	<i>Cải tiến và phát triển công nghệ, hệ thống, quy trình, hoạt động chăn nuôi, thú y</i>	C4